TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 19-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Thị Lừng;

+ Ông Niê Y Ling.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Khắc Nghiệp – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QDST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1975 (Chủ doanh nghiệp tư nhân Thương mại L hiện là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại L).

Địa chỉ: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh P.

Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Th (Tên gọi khác là L), sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh P.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7//2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Căn cứ hợp đồng số 319/2016/HĐKT/LH ngày 19/11/2016 giữa Doanh nghiệp tư nhân thương mại L do bà Võ Thị L làm chủ sở hữu và ông Lê Thanh T, doanh Nghiệp tư nhân Thương mại L bán cho ông Lê Thanh T, Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh P xe ô tô tải 5 chân hiệu ChengLong số loại LZ1340PELT (được đăng ký biển số 78C-064.11 do ông Lê Thanh T đứng tên sở hữu) với đơn giá là 1.325.000.000 đồng, giá trên đã bao gồm thuế. Ông T có nghĩa vụ thanh toán đợt 1 số tiền là 25.000.000 đồng, đợt 2 thanh toán tiếp số tiền 1.088.000.000 đồng, số tiền còn lại 212.000.000 đồng phải thanh toán trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký, đăng kiểm. Đã Thanh toán được 1.113.000.000 đồng, còn nợ lại 212.000.000 đồng. Ông T có giao giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 78C-064.11 ngày 20/12/2016 bản chính để làm tin. Ngoài ra, ông Lê Thanh T còn mua phụ T xe với số tiền tổng cộng là 13.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2018, ông T, bà Th có viết giấy hẹn trả nợ số tiền là 225.000.000 đồng, bao gồm số nợ mua xe 212.000.000 đồng và nợ mua phụ T 13.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/10/2018 trả nợ. Ông T, bà Th còn tháo biển số xe 78C-064.11 cả biển số trước và sau giao cho bà L để làm tin nhưng đến nay không trả được số tiền nào.

Bà L khởi kiện yêu cầu ông T, bà Th trả toàn bộ số nợ 225.000.000 đồng và lãi suất trên số tiền chậm trả theo mức 10%/năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 12/10/2018 theo giấy hẹn nợ.

Ông T, bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà:

- Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà Th phải trả cho bà L toàn bộ số tiền còn nợ gốc là 225.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm yêu cầu là 22.500.000 đồng và lãi suất kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 10%/năm.

- Ông T, bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn ông T, bà Th có hộ khẩu thường trú tại Khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh P, đúng với địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện và trong các hợp đồng mua bán, giấy hẹn nợ nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh. Ông T, bà Th thay đổi nơi cư trú, nhưng không thông báo cho người có quyền và cơ quan có thẩm quyền về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cần tống đạt cho ông T, bà Th và giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 177, 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T, bà Th đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Căn cứ hợp đồng mua bán xe giữa ông Lê Thanh T và bà Võ Thị L thì ông T có mua của Doanh nghiệp tư nhân L Hoang do bà Võ Thị L làm chủ sở hữu xe ô tô 78C-064.11 với số tiền 1.325.000.000 đồng đã thanh toán 1.113.000.000 đồng, còn nợ số tiền 212.000.000 đồng. Ông T có giao giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 78C-064.11 bản chính để làm tin. Ngày hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu phương tiện là ngày 19/12/2016 nhưng ông T không trả tiền trong hạn 15 ngày theo hợp đồng mua bán. Căn cứ giấy nhận nợ ngày 03/10/2018, người viết giấy nhận nợ là Lê Thanh T và Nguyễn Thị Loan số nợ là 225.000.000 đồng. Căn cứ biên bản xác minh ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh thì bà Nguyễn Thị Th chung sống với ông Lê Thanh T tại Khu phố 2, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên còn có tên gọi khác là Loan; ông T, bà Th rời khỏi nơi cư trú khoản 4 tháng, không biết đi đâu. Ông T, bà Th nhận số nợ 225.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bao gồm số nợ mua xe 212.000.000 đồng và nợ mua phụ T 13.000.000 đồng; tổng cộng 225.000.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định ông T, bà Th đã nhận số nợ mua xe và phụ T xe tổng cộng 225.000.000 đồng là nợ chung nên ông T, bà Th có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số nợ. Ông T, bà Th hẹn đến ngày 12/10/2018 sẽ trả toàn bộ số nợ trên nhưng đến nay không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày vi phạm là ngày 12/10/2018. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự, ông T, bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tối đa là 10%/năm. Tại phiên tòa,

bà L yêu cầu số nợ lãi tính mức 10%/năm, số lãi yêu cầu từ ngày 12/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 22.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, ông T mua xe của doanh nghiệp tư nhân Thương mại L Hoang do bà Võ Thị L làm chủ sở hữu, Căn cứ Điều 183 Luật doanh nghiệp 2014 quy định "Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp". Tuy hiện tại Doanh nghiệp tư nhân đã chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại L Hoang nhưng tài sản này không được góp vốn vào Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại L Hoang. Như vậy, bà Võ Thị L có quyền sở hữu đối với tài sản được xác lập bởi Doanh nghiệp tư nhân, bà L khởi kiện với tư cách cá nhân là hợp pháp.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T, bà Th phải trả cho bà L số nợ gốc là 225.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 12/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 22.500.000 đồng. Tổng cộng là 247.500.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Căn cứ khoản 2 Điều 26 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên ông T, bà Th phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 40, 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 73, 183 Luật doanh nghiệp 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L, buộc ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Võ Thị L số tiền nợ là 247.500.000 đồng; trong đó nợ gốc là 225.000.000 đồng, nợ lãi là 22.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị Th phải chịu 12.375.000 đồng tiền án phí; Trả lại cho bà Võ Thị L 5.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012844 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Sông Hinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Bùi Lưu Chúc